TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15/6/2021
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Trần Văn Hưng**

2. Ông **Lê Minh Toàn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*** Không tham gia.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Ngọc T**, sinh năm 1997

Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Ấp N, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Lê Minh T**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết tìm hiểu nhau chị và anh Lê Minh T đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2018 tại UBND xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, bản thân chị đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được, chị và anh T đã

không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Kim T, sinh ngày 06/9/2019 hiện do chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, theo đơn khởi kiện chị có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, nay chị thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Lê Minh T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Trần Ngọc T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Minh T. Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Ngọc Kim T, sinh ngày 06/9/2019, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Ngọc T khởi kiện về việc xin ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn với bị đơn Lê Minh T có địa chỉ tại ấp P, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn Lê Minh T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc T và anh Lê Minh T tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2018 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Theo nguyên đơn trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau, chị T đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng vẫn không được. Từ cuối năm 2020 đến nay chị T không còn sống chung với anh Lê Minh T. Tại phiên tòa, chị T xác định chị không còn tình cảm với anh T, từ khi chị về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay thì anh T cũng không có đến gặp chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên anh T cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn, nhưng anh vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị T và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, điều đó cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T.

Từ những căn cứ trên xét thấy, giữa chị T và anh T xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 nhưng đến nay vẫn chưa giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng và từ cuối năm 2020 đến nay chị T và anh T không còn sống chung với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị Trần Ngọc T được ly hôn với anh Lê Minh T.

- Về con chung: Chị T và anh T có 01 con chung tên Lê Ngọc Kim T, sinh ngày 06/9/2019 hiện do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận. Bởi lẽ, cháu Kim T hiện dưới 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì giao cho mẹ nuôi dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Lê Ngọc Kim T, sinh ngày 06/9/2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Ngọc T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Ngọc T.

Cho chị Trần Ngọc T được ly hôn với anh Lê Minh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Ngọc Kim T, sinh ngày 06/9/2019 cho chị Trần Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, đồng thời anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lê Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Trần Ngọc T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0006540 ngày 12/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, nên chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Phước;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Ánh Tuyết